TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: **125**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2018
V/v *" Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NAM HOA**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **MAI VĂN THUẬN**
Bà **VÕ THỊ BỜI**

-Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM HỒNG PHƯƠNG THẢO** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông **LÊ HOÀNG ANH** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2018/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXX - ST ngày 20 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐST - HNGĐ ngày 08/8/2018; giữa các đương sự:

*<u>*Nguyên đơn:*</u> Bà **NGUYỄN THỊ DIỄM T** - Sinh năm 1995.
Địa chỉ: 30 Tổ 3, p. V, Tp. N, tỉnh K. (*Có mặt).*

*<u>*Bị đơn*</u>**:** Ông **TRẦN NGỌC D** - Sinh năm 1993.
Địa chỉ: 6^{B} Phạm Thị B, p. V, Tp. N, tỉnh K. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi và ông Trần Ngọc D tự nguyện kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, Tp. N. Trong quá trình chung sống, giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai chúng tôi đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn với ông Trần Ngọc D.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Mạnh K, sinh ngày: 30/9/2015. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh K và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Trần Ngọc D không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53,56,81,82,83

Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với ông Trần Ngọc D. Giao con chung là cháu Trần Mạnh K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Trần Ngọc D hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án đã làm các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và đã hoãn phiên Tòa lần thứ nhất do ông D vắng mặt. Tại phiên Tòa hôm nay ông D vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân Tp. Nha Trang căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**Về nội dung vụ án*:

1.*Quan hệ hôn nhân và gia đình*: Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Trần Ngọc D kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, Tp. N, theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 năm 2014 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Trần Ngọc D có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn từ nhiều năm nay. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng có khoảng cách, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cho thấy, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là chính đáng có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Trần Ngọc D có 01 con chung là cháu Trần Mạnh K - sinh ngày 30/9/2015, bà Nguyễn Thị Diễm T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu K còn nhỏ nên việc bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu K là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Ngọc D do bà T không yêu cầu.

3.Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Diễm T***. Bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn ông Trần Ngọc D.

2. ***Về con chung***: Giao cháu Trần Mạnh K, sinh ngày 30/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Ngọc D do bà Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. ***Về tài sản chung***: Bà Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. ***Về án phí***: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008810 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí.

5. ***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nam Hoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh K;
- VKSND Tp.N;
- Chi cục THADS Tp.N;
- UBND phường V, Tp. N. (Số 01/2014)
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.